

Số: 41 /QĐ-HTKNL

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trao Giải thưởng Hiệu quả năng lượng trong công nghiệp năm 2021, Hiệu quả năng lượng trong công trình xây dựng năm 2021 và Hiệu suất năng lượng cao nhất năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1347 /QĐ-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ về việc thành lập Hội Khoa học và công nghệ Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 846 /QĐ-BNV ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ về việc phê duyệt Điều lệ Hội Khoa học và công nghệ Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ- HTKNL của Chủ tịch Hội Khoa học và Công nghệ sử dụng năng lượng và tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam ngày 15/8/2021 về việc duyệt phê duyệt Quy chế Giải thưởng Hiệu quả năng lượng trong Công nghiệp năm 2021, Hiệu quả năng lượng trong công trình xây dựng năm 2021, Hiệu suất năng lượng cao nhất năm 2021;

Căn cứ vào các Quyết định số 36; 37 và 38/QĐ - HTKNL của Chủ tịch Hội Khoa học và Công nghệ sử dụng năng lượng và tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam ngày 18/8/2021 về việc thành lập Hội đồng Giám khảo và Ban thư ký Giải thưởng Hiệu quả năng lượng trong Công nghiệp năm 2021, Hiệu quả năng lượng trong công trình xây dựng năm 2021, Hiệu suất năng lượng cao nhất năm 2021;

Căn cứ Báo cáo tổng hợp kết quả chấm chung khảo của Ban giám khảo các giải thưởng Hiệu quả năng lượng trong Công nghiệp năm 2021, Hiệu quả năng lượng trong công trình xây dựng năm 2021, Hiệu suất năng lượng cao nhất năm 2021;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng giám khảo giải thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách đơn vị và Danh sách sản phẩm đạt giải thưởng Hiệu quả năng lượng trong Công nghiệp năm 2021, Hiệu quả năng lượng trong công trình xây dựng năm 2021 và Hiệu suất năng lượng cao nhất năm 2021 tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Tổ chức tiến hành trao tặng giải thưởng cho các đơn vị đạt giải thưởng căn cứ Quy chế giải thưởng đã được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội Khoa học và Công nghệ sử dụng năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH
HỘI KH&CN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG
TK&HQ VIỆT NAM**



Đỗ Hữu Hào

Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-HTKNL ngày 08 tháng 12 năm 2021)

Danh mục các sản phẩm đạt giải thưởng “Hiệu suất năng lượng cao nhất năm 2021”

1. Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam

TT	Loại sản phẩm	Mã sản phẩm	Tải danh định (Kg)	Công suất danh định (W)	Chỉ số HSNL (Wh/kg)	Hãng sản xuất	Nơi sản xuất
1	Máy giặt lồng đứng	NA-F100A9	10	500	7.47	PANASONIC	Việt Nam
2		NA-F90A9	9	490	6.67	PANASONIC	Việt Nam
3	Máy giặt lồng ngang	NA-S96FG1	9	1740-2000	19.1	PANASONIC	Việt Nam
4		NA-S106FX1	10	1740-2000	17.1	PANASONIC	Việt Nam

GC: Tham gia giải thưởng là 25 sản phẩm, có 4 sản phẩm đạt giải.

2. Công ty CP Daikin AIR Conditionning Việt Nam

TT	Loại sản phẩm	Mã sản phẩm	Công suất danh định (BTU/h)	Chỉ số HSNL (CSPF)	Hãng sản xuất	Nơi sản xuất
1	1 chiều lạnh	FTKZ25VVMV/RKZ25VVMV	8500	55.0	DAIKIN	Thái Lan
2	2 chiều	FTHF25VAVMV/RHF25VAVMV	8500	55.0	DAIKIN	Thái Lan
3	1 chiều lạnh	FTKY35WAVMV / RKY35WAVMV	11900	51.0	DAIKIN	Việt Nam
4	1 chiều lạnh	FTKY35WVMVMV / RKY35WVMVMV	11900	51.0	DAIKIN	Việt Nam
5	2 chiều	FTXV35QVMV/RXV35QVMV	11900	55.0	DAIKIN	Thái Lan
6	2 chiều	FTXV50QVMV/RXV50QVMV	17100	55.0	DAIKIN	Thái Lan
7	1 chiều lạnh	FTKZ50VVMV/RKZ50VVMV	17700	55.0	DAIKIN	Thái Lan

8	1 chiều lạnh	FTKZ60VVMV/RKZ60VVMV	20500	55.0	DAIKIN	Thái Lan
9	2 chiều	FTXV60QVMV/RXV60QVMV	20500	55.0	DAIKIN	Thái Lan
10	1 chiều lạnh	FTKZ71VVMV/RKZ71VVMV	24200	55.0	DAIKIN	Thái Lan
11	2 chiều	FTHF71VVMV/RHF71VVMV	24200	55.0	DAIKIN	Thái Lan

GC: Tham gia giải thưởng 35 sản phẩm, có 11 sản phẩm sản đạt giải.

3. Công ty cổ phần Bóng đèn Điện Quang

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (W)	Hiệu suất (lm/W)
1	Đèn LED tube Điện Quang	ĐQLEDTU09 14765 HPF V02	14	150
2	Đèn LED tube Điện Quang	ĐQLEDTU09 24765 HPF V02	24	150
3	Đèn LED Bulb Điện Quang	ĐQ LEDBU11A80 15765 V02	15	95

GC: Tham gia giải thưởng 06 sản phẩm, có 03 sản phẩm đạt giải.

4. Công ty TNHH một thành viên chiếu sáng và thiết bị đô thị (Hapulico)

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (W)	Hiệu suất (lm/W)
1	Đèn chiếu sáng đường phố	DOLPHIN - 180	180	110
2		ERIN - 130	130	120
3		ERIN - 35	35	120
4		ERIN - 40	40	120
5		ERIN - 50	50	120
6		ERIN - 60	60	120
7		ERIN - 90	90	120

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (W)	Hiệu suất (lm/W)
8	Đèn chiếu sáng đường phố	LUNA FL - 25	25	120
9		LUNA FL - 35	35	120
10		LUNA FL - 50	50	120
11		LUNA FL - 60	60	120
12		LUNA FL - 70	70	120
13		LUNA FL - 90	90	120
14		LUNA LM - 25	25	120
15		LUNA LM - 35	35	120
16		LUNA LM - 50	50	120
17		LUNA LM - 60	60	120
18		LUNA LM - 70	70	120
19		LUNA LM - 90	90	120
20		LUNA SC - 25	25	120
21		LUNA SC - 35	35	120
22		LUNA SC - 50	50	120
23		LUNA SC - 60	60	120
24		LUNA SC - 70	70	120
25		LUNA SC - 90	90	120
26		LUNA SM - 25	25	120
27		LUNA SM - 35	35	120
28		LUNA SM - 50	50	120
29		LUNA SM - 60	60	120
30		LUNA SM - 70	70	120
31		LUNA SM - 90	90	120
32		TUNA - 100	100	125
33		TUNA - 125	125	125
34		TUNA - 140	140	125

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (W)	Hiệu suất (lm/W)
35	Đèn chiếu sáng đường phố	TUNA - 150	150	125
36		TUNA - 200	200	125
37		TUNA - 225	225	125
38		TUNA - 250	250	125
39		TUNA - 300	300	125
40		TUNA - 75	75	125
41		TUNA - 80	80	125
42		LUNA PC - 25	25	120
43	Đèn chiếu sáng sân vườn	LUNA PC - 35	35	120
44		LUNA PC - 50	50	120
45		LUNA PC - 60	60	120
46		LUNA PC - 70	70	120
47		LUNA PC - 90	90	120
48		LUNA PL - 25	25	120
49		LUNA PL - 35	35	120
50		LUNA PL - 50	50	120
51		LUNA PL - 60	60	120
52		LUNA PL - 70	70	120
53		LUNA PL - 90	90	120
54		LUNA SL - 25	25	120
55		LUNA SL - 35	35	120
56		LUNA SL - 50	50	120
57		LUNA SL - 60	60	120
58		LUNA SL - 70	70	120
59		LUNA SL - 90	90	120
60	Đèn pha LED	ĐÈN PHA MEGI - 50	50	120

GC: Tham gia giải thưởng là 125 sản phẩm. Số sản phẩm đạt giải là 60.

5. Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (W)	Hiệu suất (lm/W)
1	Đèn chiếu sáng đường phố	CSD04 80W5000 K	80	130
2		CSD04 80W.NEMA4000 K	80	130
3		CSD08 80W5000 K	80	130
4		CSD08 80W.NEMA4000 K	80	130
5		CSD02 100W5000 K	100	140
6		CSD04 100W5000 K	100	130
7		CSD04 100W.NEMA4000 K	100	130
8		CSD08 100W5000 K	100	130
9		CSD08 100W.NEMA4000 K	100	130
10		CSD02 120W5000 K	120	135
11		CSD02 150W5000 K	150	130
12		CSD04 150W 5000 K	150	130
13		CSD04 150W.NEMA 4000 K	150	130
14		CSD08 150W5000 K	150	130
15		CSD08 150W.NEMA4000 K	150	130
16		CSD04 160W.NEMA 4000 K	160	130
17		CSD08 160W5000 K	160	130
18		CSD08 160W.NEMA4000 K	160	130
19		CSD04 180W5000 K	180	130
20		CSD04 180W.NEMA4000 K	180	130
21		CSD02 200W5000 K	200	130
22		CSD04 200W5000 K	200	130
23		CSD04 200W.NEMA4000 K	200	130
24		CSD08 200W5000 K	200	130

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (W)	Hiệu suất (lm/W)
25	Đèn chiếu sáng đường phố	CSD08 200W.NEMA4000 K	200	130
26		CSD04 240W5000 K	240	130
27		CSD04 240W.NEMA4000 K	240	130
28	Đèn LED chiếu pha	CP07 150W/5000K	150	135
29		CP07 200W/5000K	200	135
30		CP07 250W/5000K	250	135
31	Đèn Highbay	M26 300/9W 6500K	9	135
32	Đèn Panel	P07 600x600/35W.DA6500 K	35	110
33		P07 300x1200/35W.DA6500 K	35	110
34	Đèn LED bulb	TR60N2/10W.H	10	95
35		TR70N2/12W.H	12	95
36		TR70N1/14W.H	14	95

GC: Tham gia giải thưởng là 44 sản phẩm. Số đạt giải là 36 sản phẩm.

6. Công ty Cổ phần giải pháp và thiết bị chiếu sáng VI-LIGHT

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (W)	Hiệu suất (lm/W)
1	Đèn LED pha	VL-FL03HB 150W	150	171

GC: Tham gia giải thưởng là 01 sản phẩm. Số đạt giải là 01 sản phẩm

7. Công ty TNHH sản phẩm công nghiệp Toshiba Asia

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (KW)	Hiệu suất (%)
1	4P-150HP-STD-380V	4D3150K4ZVA1	112.5	95.8
2	2P-125HP-STD-380V	2D3090K4ZVA1	93.75	95.1

TT	Tên sản phẩm	Mã hiệu	Công suất danh định (KW)	Hiệu suất (%)
3	2P-100HP-STD-380V-DF-F	2D3100L2ZVA1-FD	75	94.3
4	4P-55kW-380V-IE3-VN	0554FTMN7FS	55	95.8
5	2P-45kW-380V-IE3-VN	0452FTMN7FS	45	94.4
6	4P-45kW-380V-IE3-VN	0454FTMN7FS	45	94.5
7	4P-37kW-380V-DF-RB-IE3-VN	0374SDMH7JS	37	94.5
8	4P-37kW-380V-IE3-VN	0374FTMN7FS	37	94.5
9	4P-30kW-200V-IE3-VN	0304FTMX7FS	30	94.1
10	4P-22kW-200V-IE3-VN	0224FTMX7FS	22	93.3
11	4P-18.5kW-380V-IE3-VN	0184FTMN7FS	18.5	92.9
12	4P-15kW-200V-OUT-IE3-VN	0154ODMS7FS	15	93.1
13	2P-11kW-380V-DF-RB-IE3-VN	0112SDMH7JS	11	91.8
14	6P-11kW-200/220V-IE3-VN	0116FTMS7FS	11	91.8
15	4P-7.5kW-380V-DF-RB-IE3-VN	Y754SDMH7JS	7.5	90.6
16	4P-5.5kW-380V-DF-RB-IE3-VN	Y554SDMH7JS	5.5	90.6
17	4P-5.5kW-380V-IE3-VN	Y554FTMM7FS	5.5	90.59
18	4P-4kW-380V-IEC-VN	0044SDMT7FS	4	89.59
19	4P-2.2kW-380V-DF-RB-IE3-VN	Y224SDMH7JS	2.2	89.4
20	2P-2.2kW-380V-OUT-IE3-VN	Y222ODMH7FS	2.2	86
21	4P-2.2kW-200V-IE3-VN	Y224FCMS7FS	2.2	88.6
22	4P-2.2kW-380V-IE3-VN	Y224FTMM7FS	2.2	89.37
23	6P-2.2kW-380V-DF-F-IE3-VN	Y226FTMH7GS	2.2	87.6
24	4P-0.75kW-380V-IE3-VN	X754FTMM7FS	0.75	85.49

GC: Tham gia giải thưởng là 56 sản phẩm. Số đạt giải là 24 sản phẩm.